

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2019/ HNGĐ - ST

Ngày 26 - 9 - 2019

"Về việc ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Khắc Tuyn.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Hữu Trung.

2. Ông Bùi Quốc Tuấn.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thúy Hằng – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hường- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T. T

Địa chỉ cư trú: Khu N, phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Quang N

Địa chỉ cư trú: Khu N, phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Quang N tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) K, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Quảng Ninh ngày 06 tháng 3 năm 2014. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm và nhiều vấn đề khác, dẫn đến tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị và anh N đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2016. Nay chị xác định tình cảm dành cho anh N không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung tên là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2015. Thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu L vẫn ở cùng với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Ngày 17 tháng 6 năm 2019, anh Nguyễn Quang N có đơn đề nghị (có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường K, thị xã Đ) gửi Tòa án với nội dung:

Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị T T giống như nội dung chị T đã trình bày. Quá trình chung sống giữa anh và chị T có một con chung tên là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2015. Giữa anh và chị T không có tài sản chung. Quá trình chung sống giữa anh và chị T không có sự hòa hợp và cùng đi đến chấm dứt hôn nhân. Vì lý do công việc thường phải đi xa, không chủ động được thời gian nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

\* Bà Đặng Thị H (Trưởng khu N, phường K, thị xã Đ) cung cấp thông tin về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T T và anh Nguyễn Quang N giống như nội dung các đương sự đã trình bày. Quá trình chung sống chị T và anh N xảy ra mâu thuẫn cụ thể như nào thì địa phương không nắm được. Bà chỉ biết vợ chồng chị T, anh N không hợp nhau và đã ly thân nhau, anh N hiện nay đang đi làm ăn xa nhà. Chị T và anh N có một con chung hiện nay đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

*\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị T T được ly hôn anh Nguyễn Quang N; giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh N không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cho con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Thủ tục thụ lý, thẩm quyền giải quyết đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T T và việc tiến hành các thủ tục tố tụng khác, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T T và anh Nguyễn Quang N tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến hai người đã sống ly thân. Anh N cũng cho rằng trong cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp và cũng có quan điểm đồng ý ly hôn.

Từ đó xác định: Chị Nguyễn Thị T T và anh Nguyễn Quang N không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh N theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung*:

Các đương sự có một con chung tên là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2015. Trong thời gian chị T và anh N sống ly thân, cháu L vẫn ở cùng chị T, được chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị T có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con, trong khi anh N hiện nay đang đi làm ăn xa nhà và không có quan điểm cụ thể về việc nuôi dưỡng con. Do đó, cần giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T T được ly hôn anh Nguyễn Quang N.

2. *Về con chung:*

Chị Nguyễn Thị T T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2015 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Quang N không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Quang N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004042 ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Khắc Tuyền**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Khắc Tuyn**